

Phụ Chú Giải Tập Yếu Luật Tạng – 15. về các loài hữu tình sống trong môi trường tự nhiên

15. Bhūtagāmaṇicchayaḥkathā

15. Lời Giải Thích Về Sự Quyết Định Liên Quan Đến Thực Vật

75. Bhūtagāmoti pañcahi bījehi jātānaṃ rukkhalatādīnametaṃ adhivacanaṃ. Tatrimāni pañca bījāni – mūlabījaṃ khandhabījaṃ phaḷubījaṃ aggabījaṃ bījabījanti. Tattha **mūlabījaṃ** nāma haliddi siṅgiveraṃ vacā vacattaṃ ativisaṃ kaṭukarohiṇī usīraṃ bhaddamuttakaṃ, yāni vā panaññānipi atthi mūle jāyanti mūle sañjāyanti, etaṃ mūlabījaṃ nāma. **Khandhabījaṃ** nāma assattho nigrodho pilakkho udumbaro kacchako kapitthano, yāni vā panaññānipi atthi khandhe jāyanti khandhe sañjāyanti, etaṃ khandhabījaṃ nāma. **Phaḷubījaṃ** nāma ucchu veḷu naḷo, yāni vā panaññānipi atthi pabbe jāyanti pabbe sañjāyanti, etaṃ phaḷubījaṃ nāma. **Aggabījaṃ** nāma ajjukaṃ phaṇijjakaṃ hiriveraṃ, yāni vā panaññānipi atthi agge jāyanti agge sañjāyanti, etaṃ aggabījaṃ nāma. **Bījabījaṃ** nāma pubbaṇṇaṃ aparaṇṇaṃ, yāni vā panaññānipi atthi bīje jāyanti bīje sañjāyanti, etaṃ bījabījaṃ nāma (pāci. 91). Tattha bhūtagāme bhūtagāmasaññī chindati vā chindāpeti vā bhindati vā bhindāpeti vā pacati vā pacāpeti vā, pācittiyaṃ. Bhūtagāmañhi vikopentassa pācittiyaṃ, bhūtagāmaparimocitaṃ pañcavidhampi bījagāmaṃ vikopentassa dukkaṭaṃ.

75. Thực vật là tên gọi chung cho các loài cây, dây leo, v.v., sinh ra từ năm loại hạt giống. Năm loại hạt giống đó là: hạt giống từ rễ, hạt giống từ thân, hạt giống từ đốt, hạt giống từ ngọn, và hạt giống từ hạt. Trong đó, **hạt giống từ rễ** là nghệ, gừng, bạch chỉ, cây vacatta, ô đầu, hồ hoàng liên, hương bài, cỏ cú, hoặc bất cứ loại nào khác mọc từ rễ, sinh sản từ rễ, đó được gọi là hạt giống từ rễ. **Hạt giống từ thân** là cây bồ đề, cây đa, cây pilakkha, cây sung, cây kacchaka, cây kapitthana, hoặc bất cứ loại nào khác mọc từ thân, sinh sản từ thân, đó được gọi là hạt giống từ thân. **Hạt giống từ đốt** là mía, tre, sậy, hoặc bất cứ loại nào khác mọc từ đốt, sinh sản từ đốt, đó được gọi là hạt giống từ đốt. **Hạt giống từ ngọn** là húng quế, é, hương nhu, hoặc bất cứ loại nào khác mọc từ ngọn, sinh sản từ ngọn, đó được gọi là hạt giống từ ngọn. **Hạt giống từ hạt** là các loại lúa sớm và lúa muộn, hoặc bất cứ loại nào khác mọc từ hạt, sinh sản từ hạt, đó được gọi là hạt giống từ hạt (pāci. 91). Trong đó, nếu có ý thức đó là thực vật mà chặt hoặc sai chặt, bẻ hoặc sai bẻ, nấu hoặc sai nấu, thì phạm tội Ưng Đối Trị. Thật vậy, người làm tổn hại đến thực vật thì phạm tội Ưng Đối Trị; người làm tổn hại đến năm loại hạt giống đã được tách ra khỏi thực vật thì phạm tội Tác Ác.

76. Bījagāmabhūtagāmo (pāci. aṭṭha. 922) nāmesa atthi udakaṭṭho, atthi thalaṭṭho. Tattha udakaṭṭho sāsapamattikatilabījakādibhedā sapaṇṇikā ca apaṇṇikā ca sabbā sevālaṇṇatī, antamaso udakapappaṭakaṃ upādāya “bhūtagāmo”ti veditabbo. Udakapappaṭako nāma upari thaddho pharusavaṇṇo heṭṭhā mudu nīlavaṇṇo hoti. Tattha yassa sevālassa mūlaṃ oruhitvā pathaviyaṃ patiṭṭhitaṃ, tassa pathavī ṭhānaṃ. Yo udaye sañcarati, tassa udakaṃ. Pathaviyaṃ patiṭṭhitaṃ yattha katthaci vikopentassa, uddharitvā vā ṭhānantaraṃ saṅkāmentassa pācittiyaṃ, udaye sañcarantaṃ vikopentasseva pācittiyaṃ. Hatthehi pana ito cito ca viyūhitvā nahāyitum vaṭṭati. Sakalañhi udakaṃ tassa ṭhānaṃ, tasmā na so ettāvatā ṭhānantaraṃ saṅkāmito hoti.

Udakato pana udakena vinā sañcicca ukkhipitum na vaṭṭati, udakena saddhiṃ ukkhipitvā puna udae pakkhipitum vaṭṭati. Uppalinipaduminiādīni jalajavallitiṇāni udakato uddharantassa vā tattheva vikopentassa vā pācittiyaṃ, parehi uppāṭitāni vikopentassa dukkaṭaṃ. Tāni hi bījagāme saṅgahaṃ gacchanti, tilabījakasāsapamattikasevālopi udakato uddhaṭo amilāto aggabījasaṅgahaṃ gacchati. **Mahāpaccariyā** dīsu “anantakatilabījakaudakapappaṭakādīni dukkaṭavattḥūnī”ti vuttaṃ, tattha kāraṇaṃ na dissati. **Andhakaṭṭhakathāyaṃ** “sampuñṇabhūtagāmaṃ na hoti, tasmā dukkaṭa”nti vuttaṃ, tampi na sameti. Bhūtagāme hi pācittiyaṃ bījagāme dukkaṭaṃ vuttaṃ. Asampuñṇabhūtagāmo nāma tatiyo koṭṭhāso neva **pāliyaṃ**, na **aṭṭhakathāsu** āgato, athetaṃ bījagāmasaṅgahaṃ gamissatīti, tampi na yuttaṃ abhūtagāmamūlattā tādisassa bījagāmassāti. Apica “garukalahukesu garuke ṭhātabba”nti etaṃ vinayalakkhaṇaṃ.

76. Hạt giống và thực vật này (pāci. aṭṭha. 922) có loại ở dưới nước, có loại ở trên cạn. Trong đó, loại ở dưới nước là tất cả các loài rong rêu, có lá và không có lá, được phân biệt như hạt cải nhỏ, hạt vừng, v.v., cho đến cả vầng nước, đều phải được hiểu là “thực vật”. Vầng nước có phần trên cứng, màu xám, phần dưới mềm, màu xanh. Trong đó, đối với loài rong rêu nào có rễ mọc xuống và bám vào đất, thì đất là nơi ở của nó. Loài nào trôi nổi trong nước, thì nước là nơi ở của nó. Người làm tổn hại đến loài bám vào đất ở bất cứ đâu, hoặc nhổ lên hay di chuyển sang nơi khác, thì phạm tội Ưng Đối Trị; đối với loài trôi nổi trong nước, chỉ cần làm tổn hại là phạm tội Ưng Đối Trị. Tuy nhiên, được phép dùng tay gạt qua lại để tắm. Vì toàn bộ nước là nơi ở của nó, do đó làm như vậy không phải là đã di chuyển nó sang nơi khác. Nhưng không được phép cố ý vớt nó ra khỏi nước mà không có nước kèm theo; được phép vớt lên cùng với nước rồi lại thả vào nước. Người nhổ các loại sen, súng, hoặc các loại dây leo, cỏ mọc dưới nước ra khỏi nước, hoặc làm tổn hại chúng ngay tại đó, thì phạm tội Ưng Đối Trị; người làm tổn hại những loại đã được người khác nhổ lên, thì phạm tội Tác Ác. Vì chúng được xếp vào loại hạt giống. Rong rêu nhỏ như hạt vừng, hạt cải, khi đã được vớt ra khỏi nước và chưa héo, thì được xếp vào loại hạt giống từ ngọn. Trong các bộ **Mahāpaccarī**, v.v., có nói: “Những thứ như hạt vừng không xác định, vầng nước, v.v., là vật phạm tội Tác Ác,” nhưng không thấy lý do ở đó. Trong bộ **Chú Giải Andhaka** có nói: “Vì không phải là thực vật hoàn chỉnh, do đó là tội Tác Ác,” điều đó cũng không hợp lý. Vì đối với thực vật đã nói là tội Ưng Đối Trị, đối với hạt giống là tội Tác Ác. Loại thứ ba là thực vật không hoàn chỉnh thì không thấy có trong **Pāli tạng** cũng như trong các bộ **Chú Giải**. Nếu nói rằng nó sẽ được xếp vào loại hạt giống, điều đó cũng không đúng vì loại hạt giống như vậy không có gốc thực vật. Tuy nhiên, “trong các trường hợp nặng nhẹ, nên giữ theo trường hợp nặng,” đó là đặc tính của giới luật.

Thalaṭṭhe chinnaṃ rukkhaṇaṃ avasiṭṭho haritakhāṇu nāma hoti, tattha kakudhakaraṇḍapiyaṅgupanāsādīnaṃ khāṇu uddhaṃ vaḍḍhati, so bhūtagāmena saṅgahito. Tālanāḷikerādīnaṃ khāṇu uddhaṃ na vaḍḍhati, so bījagāmena saṅgahito.

Kadaliyā pana aphalitāya khāṇu bhūtagāmena saṅgahito, phalitāya bījagāmena. Kadaliṃ pana phalitā yāva nīlapanṇā, tāva bhūtagāmeneva saṅgahitā, tathā phalito veḷu. Yādā pana aggato paṭṭhāya sussati, tadā bījagāmena saṅgahaṃ gacchati. Katarabījagāmena? Phaḷubījagāmena. Kim tato nibbattati? Na kiñci. Yadi hi nibbatteyya, bhūtagāmena saṅgahaṃ gaccheyya. Indasālādirukkhe chinditvā rāsiṃ karonti, kiñcāpi rāsikatadaṇḍakehi ratanappamāṇāpi sākā nikkhamanti, bījagāmeneva pana saṅgahaṃ gacchanti. Maṇḍapatthāya vā vatīatthāya vā valliāropanatthāya vā bhūmiyaṃ nikhaṇanti, mūlesu ceva paṇṇesu ca niggatesu puna bhūtagāmasaṅkhaṃ gacchanti, mūlamattesu pana paṇṇamattesu vā niggatesupi bījagāmena saṅgahitā eva.

Đối với loại trên cạn, phần còn lại của cây đã bị đốn được gọi là gốc cây xanh. Trong đó, gốc của các cây như kakudha, karañja, priyaṅgu, mít, v.v., mọc lên cao, nó được xếp vào loại thực vật. Gốc của các cây như thốt nốt, dừa, v.v., không mọc lên cao, nó được xếp vào loại hạt giống. Đối với cây chuối, gốc của cây chưa có quả được xếp vào loại thực vật; gốc của cây đã có quả được xếp vào loại hạt giống. Nhưng cây chuối đã có quả, chừng nào lá còn xanh, thì vẫn được xếp vào loại thực vật, cây tre đã có quả cũng vậy. Nhưng khi nó bắt đầu khô từ ngọn, thì được xếp vào loại hạt giống. Loại hạt giống nào? Hạt giống từ đốt. Từ đó sinh ra cái gì? Không có gì cả. Vì nếu có sinh ra, nó đã được xếp vào loại thực vật. Người ta đốn các cây như indasāla, v.v., và chất thành đống, mặc dù từ các thân cây đã chất đống đó có những cành dài cả thước mọc ra, nhưng chúng chỉ được xếp vào loại hạt giống. Khi người ta chôn xuống đất để làm giàn, làm hàng rào, hoặc để cho dây leo, khi rễ và lá đã mọc ra, chúng lại được xếp vào loại thực vật. Nhưng khi chỉ có rễ hoặc chỉ có lá mọc ra, chúng vẫn chỉ được xếp vào loại hạt giống.

Yāni kānici bījāni pathaviyaṃ vā udakena siñcitvā ṭhapitāni, kapālādīsu vā allapaṃsum pakkhipitvā nikkhattāni honti, sabbāni mūlamatte vā paṇṇamatte vā niggatepi bījāniyeva. Sacepi mūlāni ca upari aṅkuro ca niggacchati, yāva aṅkuro harito na hoti, tāva bījāniyeva. Muggādīnaṃ pana paṇṇesu utṭhitesu, vīhiādīnaṃ vā aṅkure harite nīlavanṇe jāte bhūtagāmasaṅgahaṃ gacchanti. Tālatṭhīnaṃ paṭhamam sūkaradāṭhā viya mūlam niggacchati, niggatepi yāva upari pattavaṭṭi na niggacchati, tāva bījagāmo nāmayeva. Nālīkerassa tacam bhinditvā dantasūci viya aṅkuro niggacchati, yāva migasiṅgasadisā nīlapattavaṭṭi na hoti, tāva bījagāmoyeva. Mūle aniggatepi tādisāya pattavaṭṭiyā jātāya amūlakabhūtagāme saṅgahaṃ gacchati.

Bất cứ hạt giống nào được gieo xuống đất hoặc được tưới nước, hoặc được đặt trong chậu, v.v., sau khi đã cho đất ẩm vào, tất cả chúng, dù chỉ mới mọc rễ hoặc lá, vẫn chỉ là hạt giống. Ngay cả khi rễ đã mọc và chồi đã nhú lên trên, chừng nào chồi chưa có màu xanh, thì vẫn chỉ là hạt giống. Nhưng đối với các loại đậu, v.v., khi lá đã mọc lên, hoặc đối với các loại lúa, v.v., khi chồi đã có màu xanh, thì được xếp vào loại thực vật. Đối với hạt thốt nốt, ban đầu rễ mọc ra như nanh heo, dù đã mọc ra nhưng chừng nào búp lá bên trên chưa nhú lên, thì vẫn chỉ được gọi là hạt giống. Đối với trái dừa, chồi mọc ra xuyên qua vỏ

như kim khâu, chùng nào búp lá màu xanh giống như sừng nai chưa xuất hiện, thì vẫn chỉ là hạt giống. Ngay cả khi rễ chưa mọc, nhưng búp lá như vậy đã mọc ra, thì được xếp vào loại thực vật không có rễ.

Ambatthiādīni vīhiādīhi vinicchinitabbāni. Vandākā vā aññā vā yā kāci rukkhe jāyitvā rukkham ottharati, rukkhova tassā ñhānam, tam vikopentassa vā tato uddharantassa vā pācittiyam. Ekā amūlikā latā hoti, aṅguliveṭhako viya vanappagumbadaṇḍake veṭheti, tassāpi ayameva vinicchayo. Gehapamukhapākāavedikā cetiyādīsu nīlavanṇo sevālo hoti, yāva dve tīṇi pattāni na sañjāyanti, tāva aggabījasaṅghaṃ gacchati. Pattesu jātesu pācittiyavattū, tasmā tādīsesu ñhānesu sudhālepampi dātum na vaṭṭati, anupasampannena littassa upari sinehalepo dātum vaṭṭati. Sace nidāghasamaye sukkhasevālo tiṭṭhati, tam sammunñjanīādīhi ghaṃsitvā apānetum vaṭṭati. Pānīyaghaṭṭādīnam bahi sevālo dukkaṭavattū, anto abbohāriko, dantaṭṭhapūvādīsu kaṇṇakampi abbohārikameva. Vuttañhetam “sace gerukaparikkamakātā bhitti kaṇṇakitā hoti, colakam temetvā pīletvā pamajjitabbā”ti (mahāva. 66).

Hạt xoài, v.v., phải được quyết định theo các loại lúa, v.v. Tầm gửi hoặc bất cứ loài nào khác mọc trên cây và bao phủ cây, thì chính cây đó là nơi ở của nó. Người làm tổn hại nó hoặc nhổ nó ra khỏi đó thì phạm tội Ưng Đối Trị. Có một loại dây leo không có rễ, nó quấn quanh các cây bụi, cây nhỏ trong rừng như sợi chỉ quấn ngón tay, đối với nó cũng có sự quyết định tương tự. Trên hiên nhà, tường rào, bệ thờ, bảo tháp, v.v., có rong rêu màu xanh, chùng nào chưa mọc ra hai ba lá, thì được xếp vào loại hạt giống từ ngọn. Khi lá đã mọc, thì là vật phạm tội Ưng Đối Trị. Do đó, ở những nơi như vậy, cũng không được phép quét vôi. Được phép quét một lớp sơn dầu lên lớp vôi do người chưa thọ giới đã quét. Nếu vào mùa khô có rong rêu khô, được phép dùng chổi, v.v., chà xát để loại bỏ. Rong rêu ở bên ngoài các vật dụng như ghè nước là vật phạm tội Tác Ác; ở bên trong thì không thuộc phạm vi phán xét. Nấm mốc trên tấm xĩa răng, bánh, v.v., cũng không thuộc phạm vi phán xét. Điều này đã được nói: “Nếu bức tường đã được trang trí bằng đất son bị nấm mốc, nên làm ướt một miếng vải, vắt khô rồi lau đi” (mahāva. 66).

77. Pāsāṇajāti pāsāṇadaddusevāseleyyakādīni aharitavanṇāni apattakāni ca dukkaṭavattukāni. Ahicchattakam yāva makuṭam hoti, tāva dukkaṭavattū, pupphitakālato paṭṭhāya abbohārikam, allarukkhato pana ahicchattakam gaṇhanto rukkhatacam vikopeti, tasmā tattha pācittiyam. Rukkhapapaṭikāyapi eseṇa nayo. Yā pana indasālakakudhādīnam papaṭikā rukkhato muccitvā tiṭṭhati, tam gaṇhantassa anāpatti. Niyyāsampi rukkhato muccitvā ṭhitam sukkharukkhe vā laggam gaṇhitum vaṭṭati, allarukkhato na vaṭṭati. Lākhāyapi eseṇa nayo. Rukkham cāletvā paṇḍupalāsam vā pariṇatakaṇikārādipuppham vā pātentassa pācittiyameva. Hatthakukkuccena mudukesu indasālanuhīkhandhādīsu vā tatthajātakatālapanṇādīsu vā akkharam chindantassapi eseṇa nayo. Sāmaṇerānam puppham ocinantānam sākham onāmetvā dātum vaṭṭati. Tehi pana pupphehi pānīyam na vāsetabbam, pānīyavāsathikena sāmaṇeram ukkhipitvā

ocināpetabbāni. Phalasākhāpi attanā khāditukāmena na onāmetabbā, sāmaṇeraṃ ukkhipitvā phalaṃ gāhāpetabbam. Kiñci gacchaṃ vālatam vā uppāṭentehi sāmaṇerehi saddhiṃ gahetvā ākaḍḍhituṃ na vaṭṭati, tesam pana ussāhajanattham anākaḍḍhantena kaḍḍhanākāraṃ dassentena viya agge gahetuṃ vaṭṭati. Yesam rukkhānaṃ sākha ruhati, tesam sākhaṃ makkhikabījanādīnaṃ atthāya kappiyaṃ akārāpetvā gahitaṃ, tace vā patte vā antamaso nakhenapi vilekhantassa dukkaṭam. Allasiṅgiverādīsupi eseva nayo. Sace pana kappiyaṃ kārāpetvā sītale padese ṭhapitassa mūlaṃ sañjāyati, uparibhāge chindituṃ vaṭṭati. Sace añkuro jāyati, heṭṭhābhāge chindituṃ vaṭṭati, mūle ca añkure ca jāte na vaṭṭati.

77. Các loại thực vật mọc trên đá như rêu đá, địa y đá, v.v., không có màu xanh và không có lá, là những vật phạm tội Tác Ác. Nấm, chùng nào còn là búp, thì là vật phạm tội Tác Ác; từ khi nở ra thì không thuộc phạm vi phán xét. Nhưng người lấy nấm từ cây tươi thì làm tổn hại vỏ cây, do đó ở đó phạm tội Ưng Đối Trị. Đối với địa y trên cây cũng theo phương thức này. Nhưng địa y của các cây như indasāla, kakudha, v.v., đã bong ra khỏi cây, người lấy nó thì không phạm tội. Nhựa cây đã bong ra khỏi cây hoặc bám trên cây khô, được phép lấy; nhưng từ cây tươi thì không được. Đối với cánh kiến cũng theo phương thức này. Người rung cây để làm rụng lá úa hoặc hoa điệp đã chín, v.v., cũng phạm tội Ưng Đối Trị. Người vì ngứa tay mà khắc chữ lên các thân cây mềm như indasāla, nuhi, v.v., hoặc lên lá thốt nốt mọc ở đó, cũng theo phương thức này. Được phép cúi cành xuống cho các vị Sa-di hái hoa. Nhưng không được dùng những bông hoa đó để ướp hương nước uống; người cần ướp hương nước uống phải nhắc vị Sa-di lên để hái. Cành có quả, người muốn tự mình ăn cũng không được cúi xuống; phải nhắc vị Sa-di lên để hái quả. Không được phép cùng với các vị Sa-di cầm và kéo khi họ đang nhổ một cây nhỏ hay một dây leo nào đó. Nhưng để khuyến khích họ, được phép cầm ở ngọn như thể đang kéo mà không kéo. Đối với những cây có cành có thể giâm được, nếu lấy cành của chúng vì mục đích làm hạt giống cho cây `makkhika`, v.v., mà không cho làm phép hợp lệ, hoặc làm xước vỏ hay lá, dù chỉ bằng móng tay, cũng phạm tội Tác Ác. Đối với gừng tươi, v.v., cũng theo phương thức này. Tuy nhiên, nếu đã cho làm phép hợp lệ và đặt ở nơi mát mẻ mà rễ mọc ra, thì được phép cắt phần trên. Nếu chồi mọc ra, thì được phép cắt phần dưới. Nếu cả rễ và chồi đều mọc ra, thì không được phép.

“Sammuñjanīsalākāyapi tiṇāni chindissāmī”ti bhūmiyaṃ sammajjanto sayam vā chindati, aññena vā chedāpeti, na vaṭṭati. Caṅkamantopi “chijjanakaṃ chijjatu, bhijjanakaṃ bhijjatu, caṅkamitaṭṭhānaṃ dassessāmī”ti sañcicca pādehi akkamanto tiṇavallīādīni sayam vā chindati, aññena vā chedāpeti, na vaṭṭati. Sacepi hi tiṇam vā lataṃ vā ganthiṃ karontassa bhijjati, ganthimpi kātuṃ na vaṭṭati. Tālarukkhādīsu pana corānaṃ anāruhaṇatthāya dārumakkaṭakaṃ ākoṭenti, kaṇṭake bandhanti, bhikkhussa evaṃ kātuṃ na vaṭṭati. Sace dārumakkaṭako rukkhe allīnamattova hoti, rukkhamaṃ na pīleti, vaṭṭati. “Rukkhamaṃ chinda, lataṃ chinda, kamaṃ vā mūlaṃ vā uppāṭehī”ti vattum vaṭṭati

aniyamitattā. Niyametvā pana “imaṃ rukkhama chindā”tiādi vattum na vaṭṭati. Nāmaṃ gahetvāpi “ambarukkhama caturamsavallim āluvakandama muñjatiṇama asukarukkhacchallim chinda bhinda uppāṭehī”tiādivacanampi aniyamitameva hoti. “Imaṃ ambarukkhā”ntiādivacanameva hi niyamitam nāma, tam na vaṭṭati. Pattampi pacitukāmo tiṇādīnam upari sañcicca aggim karonto sayama vā pacati, aññena vā pacāpeti, na vaṭṭati. Aniyametvā pana “mugge paca, māse pacā”tiādi vattum vaṭṭati, “ime mugge pacā”ti evama vattum na vaṭṭati. “Imaṃ mūlabhesajjama jāna, imaṃ mūlama vā paṇṇama vā dehi, imaṃ rukkhama vā lataṃ vā āhara, iminā pupphena phalena vā attho, imaṃ rukkhama vā lataṃ vā phalama vā kappiyama karohī”ti evama pana vattum vaṭṭati. Ettāvatā bhūtagāmaparimocitam kataṃ hoti.

Người quét đất với ý nghĩ: “Ta sẽ cắt cả cỏ bằng que chổi,” mà tự mình cắt hoặc sai người khác cắt, thì không được phép. Người đi kinh hành cũng vậy, nếu cố ý dẫm chân lên các loại cỏ, dây leo, v.v., với ý nghĩ: “Cái gì cắt được thì cứ cắt, cái gì vỡ được thì cứ vỡ, ta sẽ tạo ra dấu vết nơi kinh hành,” mà tự mình cắt hoặc sai người khác cắt, thì không được phép. Ngay cả khi đang thắt nút cỏ hoặc dây leo mà nó bị gãy, cũng không được phép thắt nút. Trên các cây như thốt nốt, v.v., người ta đóng những con khỉ gỗ hoặc buộc gai để trộm không trèo lên được, Tỳ-khưu không được phép làm như vậy. Nếu con khỉ gỗ chỉ bám vào cây, không làm tổn thương cây, thì được phép. Được phép nói: “Hãy chặt cây, chặt dây leo, hãy nhổ củ hoặc rễ,” vì không chỉ định cụ thể. Nhưng không được phép nói chỉ định cụ thể như: “Hãy chặt cây này,” v.v. Việc nói bằng cách nêu tên như: “Hãy chặt, bẻ, nhổ cây xoài, dây leo caturamsa, củ khoai, cỏ tranh, vỏ cây asuka,” cũng được coi là không chỉ định cụ thể. Chỉ có lời nói như: “cây xoài này,” v.v., mới được gọi là chỉ định cụ thể, điều đó không được phép. Người muốn nung bát, nếu cố ý đốt lửa trên cỏ, v.v., mà tự mình nung hoặc sai người khác nung, thì không được phép. Nhưng được phép nói chung chung như: “Hãy nấu đậu xanh, hãy nấu đậu đen,” v.v., không được phép nói: “Hãy nấu những hạt đậu xanh này.” Tuy nhiên, được phép nói: “Hãy biết loại thuốc từ rễ này, hãy đưa rễ hoặc lá này, hãy mang cây hoặc dây leo này đến, có cần hoa hoặc quả này, hãy làm cho cây, dây leo, hoặc quả này trở nên hợp lệ.” Đến mức đó, nó đã được làm cho tách khỏi thực vật.

78. Paribhuñjantena pana bījagāmaparimocanattama puna kappiyama kārāpetabbama. Kappiyakaraṇaṇcetta iminā suttānusārena veditabbama –

78. Tuy nhiên, người sử dụng phải cho làm phép hợp lệ một lần nữa để tách khỏi hạt giống. Và việc làm phép hợp lệ ở đây phải được biết theo kinh này:

“Anujānāmi, bhikkhave, pañcahi samaṇakappehi phalama paribhuñjitum aggiparijitam satthaparijitam nakhaparijitam abijam nibbatṭabījāññeva pañcama”nti (cūḷava. 250).

“Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sử dụng quả cây theo năm cách của Sa-môn: bị lửa làm hỏng, bị dao làm hỏng, bị móng tay làm hỏng, không có hạt, và đã loại bỏ mầm

hạt là thứ năm.” (cūḷava. 250).

Tattha **aggiparijīṭanti** agginā parijītaṃ adhibhūtaṃ daḍḍhaṃ phuṭṭhanti attho.

Satthaparijīṭanti satthena parijītaṃ adhibhūtaṃ chinnaṃ viddhaṃ vāti attho. Esa nayo nakhaparijīte. Abījanibbaṭṭabījāni sayameva kappiyāni. Agginā kappiyaṃ karontena kaṭṭhaggigomayaggiādīsu yena kenaci antamaso lohakhaṇḍenapi ādittena kappiyaṃ kātabbhaṃ, tañca kho ekadese phusantena “kappiya”nti vatvāva kātabbhaṃ. Satthena karontena yassa kassaci lohamayasatthassa antamaso sūcinakhacchedanānampi tuṇḍena vā dhārāya vā chedaṃ vā vedhaṃ vā dassentena “kappiya”nti vatvāva kātabbhaṃ. Nakhena kappiyaṃ karontena pūtinakhena na kātabbhaṃ, manussānaṃ pana sīhabyagghadīpimakkaṭānaṃ sakuntānañca nakhā tikhiṇā honti, tehi kātabbhaṃ. Assamahimsasūkaramigagorūpādīnaṃ khurā atikhiṇā, tehi na kātabbhaṃ, katampi akataṃ hoti. Hatthinakhā pana khurā na honti, tehi ca vaṭṭati. Yehi pana kātuma vaṭṭati, tehi tatthajātakehipi uddharitvā gahitakepi chedaṃ vā vedhaṃ vā dassentena “kappiya”nti vatvāva kātabbhaṃ.

Trong đó, **bị lửa làm hỏng** có nghĩa là bị lửa làm hỏng, chi phối, đốt cháy, chạm vào.

Bị dao làm hỏng có nghĩa là bị dao làm hỏng, chi phối, cắt, đâm. Đối với bị móng tay làm hỏng cũng theo phương thức này. Loại không có hạt và đã loại bỏ mầm hạt thì tự nó đã hợp lệ. Người làm phép hợp lệ bằng lửa phải làm bằng bất cứ loại lửa nào như lửa củi, lửa phân bò, v.v., thậm chí chỉ bằng một mảnh sắt nung đỏ, và phải làm bằng cách chạm vào một phần và nói: “Hợp lệ.” Người làm bằng dao phải làm bằng bất cứ loại dao bằng kim loại nào, thậm chí bằng mũi kim hay dao cắt móng tay, bằng cách tạo ra một vết cắt hoặc vết đâm ở mũi hoặc lưỡi dao và nói: “Hợp lệ.” Người làm phép hợp lệ bằng móng tay không được làm bằng móng tay bị thối. Móng tay của người, sư tử, hổ, báo, khỉ, và chim thì sắc bén, nên làm bằng những thứ đó. Móng guốc của ngựa, trâu, heo, nai, bò, v.v., không sắc bén, không được làm bằng những thứ đó, nếu làm cũng như không. Nhưng móng voi thì không phải là móng guốc, nên được phép làm bằng chúng. Đối với những thứ được phép làm, dù là mọc tại chỗ hay đã được nhổ lên, cũng phải tạo ra một vết cắt hoặc vết đâm và nói: “Hợp lệ.”

Tattha sacepi bījānaṃ pabbatamatto rāsi, rukkhasahassaṃ vā chinditvā ekābaddhaṃ katvā ucchūnaṃ vā mahābhāro bandhitvā ṭhapito hoti, ekasmiṃ bīje vā rukkhasākhāya vā ucchumhi vā kappiye kate sabbaṃ kataṃ hoti. Uccū ca dārūni ca ekato baddhāni honti, “ucchumaṃ kappiyaṃ karissāmī”ti dāruṃ vijjhati, vaṭṭatiyeva. Sace pana yāya rajjuyā vā valliya vā baddhāni, taṃ vijjhati, na vaṭṭati. Uccukhaṇḍānaṃ pacchiṃ pūretvā āharanti, ekasmiṃ khaṇḍe kappiye kate sabbaṃ katameva. Marīcapakkādīhi ca missetvā bhattaṃ āharanti, “kappiyaṃ karohī”ti vutte sacepi bhattasitthe vijjhati, vaṭṭatiyeva. Tilataṇḍulādīsipi eseva nayo. Yāguyā pakkhittāni pana ekābaddhāni hutvā na santiṭṭhanti, tattha ekamekaṃ vijjhitvā kappiyaṃ kātabbameva. Kapitthaphalādīnaṃ anto miñjaṃ kaṭāhaṃ muñcitvā sañcarati, bhindāpetvā kappiyaṃ kārāpetabbhaṃ, ekābaddhaṃ

hoti, kaṭāhepi kātum vaṭṭati.

Trong đó, ngay cả khi có một đồng hạt giống lớn bằng quả núi, hoặc một ngàn cây bị chặt và buộc lại thành một bó, hoặc một gánh mía lớn được buộc lại và dựng lên, khi một hạt giống, một cành cây, hoặc một cây mía được làm phép hợp lệ, thì tất cả đều được coi là đã làm. Mía và củi được buộc chung lại, nếu nói: “Tôi sẽ làm phép hợp lệ cho mía,” rồi đâm vào củi, cũng vẫn được phép. Nhưng nếu đâm vào sợi dây thừng hoặc dây leo dùng để buộc, thì không được phép. Người ta bỏ đầy các khúc mía vào giỏ và mang đến, khi một khúc được làm phép hợp lệ, thì tất cả đều đã được làm. Người ta trộn tiêu, ớt, v.v., vào cơm và mang đến, khi được yêu cầu: “Hãy làm phép hợp lệ,” nếu đâm vào cả hạt cơm, cũng vẫn được phép. Đối với vừng, gạo, v.v., cũng theo phương thức này. Nhưng những thứ được cho vào cháo thì không dính liền thành một khối, ở đó phải đâm vào từng thứ một để làm phép hợp lệ. Đối với quả như quả kapittha, phần ruột bên trong di chuyển trong vỏ, phải cho bể ra rồi mới làm phép hợp lệ; nếu nó liền một khối, thì cũng được phép làm trên vỏ.

Iti pālimuttakavinayavinicchayaṅgahe

Như thế, trong Tập hợp phân tích giới luật ngoài Tam Tạng Pāli

Bhūtagāmavinicchayakathā samattā.

Lời giải thích về sự quyết định liên quan đến thực vật được chấm dứt.